

Số: 2279 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch mua sắm thực hiện
Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” - OCOP

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018.

Xét đề nghị của Chi cục Phát triển nông thôn tại Văn bản số 158/TTr-CCPTNT ngày 17/7/2018; Sở Tài chính tại Văn bản số 2816/STC-GCS ngày 23/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch mua sắm thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” - OCOP, với các nội dung sau:

1. Danh mục, số lượng mua sắm: Có Phụ lục kèm theo.
2. Chủ đầu tư: Chi cục Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh.
3. Tổng mức đầu tư: 800.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng chẵn*).

4. Nguồn vốn: Nguồn Ngân sách Trung ương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018 (bổ trí tại Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018).

Điều 2. Giao Chi cục Phát triển nông thôn Hà Tĩnh (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện mua sắm thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” - OCOP, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn Hà Tĩnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, NL₃.

VERA

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dạng Ngọc Sơn

PHỤ LỤC I
XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN HẠNG SẢN PHẨM OCOP,
QUY CHẾ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ CÁC SẢN PHẨM OCOP
(Kèm theo Quyết định số: 2279/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN HẠNG SẢN PHẨM				103.004.000
I	Khảo sát tổng quan về sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh				30.624.000
1	Xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Công	24	140.400	3.369.000
2	Khảo sát đánh giá sơ bộ điều kiện xây dựng bộ tiêu chí chấm điểm đảm bảo phù hợp với điều kiện và sự phát triển của sản phẩm OCOP (3 công/địa phương)	Công	39	140.400	5.475.000
3	Tiền thuê phòng nghỉ cho 3 cán bộ khảo sát 11 đêm tại 12 huyện, thị xã	Đêm	33	300.000	9.900.000
4	Phụ cấp lưu trú cho 3 cán bộ khảo sát 12 ngày tại 12 huyện, thị xã	Ngày	36	150.000	5.400.000
5	Khoản đi lại thực địa tại 12 huyện, thị xã	Ngày	36	180.000	6.480.000
II	Xây dựng nội dung tiêu chí chấm điểm sản phẩm				18.460.000
1	Xây dựng nội dung, thang điểm xếp hạng từ 1 đến 5 sao	Công	28	576.900	16.153.000
2	Thiết kế giấy chứng nhận sản phẩm OCOP từ 3 đến 5 sao	Công	4	576.900	2.307.000
III	Tổ chức hội thảo thông qua nội dung bộ tiêu chí chấm điểm sản phẩm				23.920.000
1	Hội thảo lần 1 (cấp Sở NN&PTNT)				7.600.000
1.1	Tiền tài liệu, VPP	Bộ	40	50.000	2.000.000
1.2	Tiền thuê hội trường, ma kết..	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
1.3	Tiền nước uống	Người/ngày	40	40.000	1.600.000
2	Chỉnh sửa lần 1				3.460.000
	Chỉnh sửa lần 1	Công	6	576.900	3.460.000
3	Hội thảo lần 2 (Cấp Sở NN&PTNT)				9.400.000



STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3.1	Tiền tài liệu, VPP				
3.2	Tiền thuê hội trường, ma kết,...	Bộ	60	50.000	3.000.000
3.3	Tiền nước uống	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
4	Chỉnh sửa lần 2	Người/ngày	60	40.000	2.400.000
	Chỉnh sửa lần 2				3.460.000
		Công	6	576.900	3.460.000
IV	Tổ chức hội thảo công bố Bộ tiêu chí đánh giá và phân hạng các sản phẩm OCOP				25.000.000
1	Tiền tài liệu, VPP	Bộ	150	100.000	15.000.000
2	Tiền thuê hội trường, ma kết,...	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
3	Tiền nước uống	Người/ngày	150	40.000	6.000.000
V	Chứng nhận sản phẩm OCOP từ 3 đến 5 sao (In giấy chứng nhận + khung)	cái	10	500.000	5.000.000
B	XÂY DỰNG QUY CHẾ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG				169.723.000
I	Khảo sát tổng quan và đánh giá sản phẩm OCOP trước khi xây dựng quy chế quản lý chất lượng				30.619.000
1	Xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Công	24	140.400	3.369.000
2	Khảo sát hiện trạng, thu thập số liệu về quản lý chất lượng sản phẩm của các cơ sở sản xuất trong tỉnh (3công/dịa phương)	Công	39	140.400	5.470.000
3	Tiền thuê phòng nghỉ cho 3cán bộ khảo sát 11 đêm tại 12 huyện, thị xã	Đêm	33	300.000	9.900.000
4	Phụ cấp lưu trú cho 3cán bộ khảo sát 12 ngày tại 12 huyện, thị xã	Ngày	36	150.000	5.400.000
5	Khoán đi lại thực địa tại 12 huyện, thị xã	Ngày	36	180.000	6.480.000
II	Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cơ sở cho các sản phẩm OCOP				23.070.000
	Xây dựng nội dung hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo tính khoa học, đúng quy định hiện hành	Công	40	576.900	23.070.000
III	Hội thảo thông qua quy chế quản lý chất lượng cơ sở cho các sản phẩm OCOP				26.040.000
1	Hội thảo lần 1 (Cấp Sở)				7.420.000
1.1	Tiền tài liệu, VPP Hội nghị	Bộ	38	50.000	1.900.000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1.2	Tiền thuê hội trường, ma kết,..	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
1.3	Tiền-nước uống	Người/ngày	38	40.000	1.520.000
2	Chỉnh sửa lần 1				4.610.000
	Chỉnh sửa sau khi tiếp thu ý kiến tại hội thảo	Công	8	576.900	4.610.000
3	Hội thảo lần 2 (Cấp tỉnh)				9.400.000
3.1	Tiền tài liệu, VPP Hội nghị	Bộ	60	50.000	3.000.000
3.2	Tiền thuê hội trường, ma kết,..	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
3.3	Tiền nước uống	Người/ngày	60	40.000	2.400.000
4	Chỉnh sửa lần 2 (trình UBND tỉnh ban hành)				4.610.000
	Chỉnh sửa sau khi tiếp thu ý kiến tại hội thảo	Công	8	576.900	4.610.000
IV	Công bố hệ thống quản lý chất lượng cơ sở cho các sản phẩm OCOP điểm				89.994.000
1	Tư vấn xây dựng hoàn thiện hồ sơ và công bố chất lượng 6 sản phẩm điểm OCOP năm 2018	Cơ sở	6		
1.1	Xây dựng hồ sơ, tổ chức công bố chất lượng sản phẩm cơ sở Cu Đơ Phong Nga	Công	26	576.900	14.999.000
1.2	Xây dựng hồ sơ, tổ chức công bố chất lượng sản phẩm cơ sở Nem chua Ý Bình	Công	26	576.900	14.999.000
1.3	Xây dựng hồ sơ, tổ chức công bố chất lượng sản phẩm cơ sở Nước Mắm Lạch Kèn	Công	26	576.900	14.999.000
1.4	Xây dựng hồ sơ, tổ chức công bố chất lượng sản phẩm cơ sở Nước Mắm Phú Khương	Công	26	576.900	14.999.000
1.5	Xây dựng hồ sơ, tổ chức công bố chất lượng sản phẩm cơ sở Bánh Đa Thạch Quý	Công	26	576.900	14.999.000
1.6	Xây dựng hồ sơ, tổ chức công bố chất lượng sản phẩm cơ sở Cam Khe Mây	Công	26	576.900	14.999.000
	Cộng				272.727.000
	Thuế VAT 10%				27.273.000
	Tổng cộng				300.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Handwritten signature)

PHỤ LỤC II
TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN CHƯƠNG TRÌNH OCOP HÀ TỈNH NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số: 2279 /QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	TUYÊN TRUYỀN				130.000.000
1	Chi phí xây dựng phóng sự truyền hình (lựa chọn chương trình điểm, thời lượng phóng sự từ 10 - 15 phút)	phóng sự	2	30.000.000	60.000.000
2	Biên tập tin truyền hình các hoạt động của tỉnh, lãnh đạo tỉnh, các sở ngành chỉ đạo, kiểm tra, triển khai chương trình OCOP. Các hoạt động chủ yếu của chương trình OCOP (Thời lượng mỗi tin dài từ 1 - 5 phút)	Tin	6	4.000.000	24.000.000
3	Biên tập tin, viết bài đăng quảng cáo các sản phẩm OCOP trên Fanpage OCOP Hà Tĩnh và Website của cơ sở sản xuất	Tin	20	1.500.000	30.000.000
4	Hỗ trợ phát sóng trên Đài truyền hình tỉnh		8	2.000.000	16.000.000
B	TẬP HUẤN				97.300.000
I	Cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện (1 lớp x 1 ngày/lớp, dự kiến 70 người)				16.450.000
1	Thuê hội trường, loa máy...	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
2	Thuê làm mắc kết, trang trí khánh tiết...	Lớp	1	1.000.000	1.000.000
3	Phô tô tài liệu	Bộ	70	50.000	3.500.000
4	Văn phòng phẩm	Người	70	20.000	1.400.000
5	Nước uống, giải khát giữa giờ	Người/ngày	70	40.000	2.800.000
6	Thù lao giảng viên (Bao gồm cả biên soạn tài liệu)	Buổi	2	1.000.000	2.000.000
7	Tiền vé xe đi lại cho giảng viên (Hà Tĩnh - Hà Nội)	Người/ lượt	1	650.000	650.000
8	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Ngày	2	200.000	400.000
9	Phòng nghỉ cho giảng viên	Đêm	1	700.000	700.000

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
II	Cán bộ cấp xã (2 lớp x 1 ngày/lớp, dự kiến 240 người)				53.500.000
1	Thuê hội trường, loa máy...	Ngày	2	4.000.000	8.000.000
2	Thuê làm mắc kết, trang trí khánh tiết...	Lớp	2	1.000.000	2.000.000
3	Phô tô tài liệu	Bộ	240	50.000	12.000.000
4	Văn phòng phẩm	Người	240	20.000	4.800.000
5	Nước uống (2ngày)	Người	240	80.000	19.200.000
6	Thù lao giảng viên (Bao gồm cả biên soạn tài liệu)	Buổi	4	1.000.000	4.000.000
7	Tiền vé xe đi lại cho giảng viên (Hà Tĩnh - Hà Nội)	Người/lượt	2	650.000	1.300.000
8	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Ngày	4	200.000	800.000
9	Phòng nghỉ cho giảng viên	Đêm	2	700.000	1.400.000
III	Các HTX, cơ sở sản xuất (1 lớp x 1 ngày/lớp, mỗi lớp dự kiến 60 người)				27.350.000
1	Thuê hội trường, loa máy...	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
2	Thuê làm mắc kết, trang trí khánh tiết...	1 lớp	1	1.000.000	1.000.000
3	Phô tô tài liệu	Bộ	60	50.000	3.000.000
4	Văn phòng phẩm	Người	60	20.000	1.200.000
5	Nước uống (2 buổi)	Người	60	40.000	2.400.000
6	Thù lao giảng viên (Bao gồm cả biên soạn tài liệu)	Buổi	2	1.000.000	2.000.000
7	Tiền vé xe đi lại cho giảng viên (Hà Tĩnh - Hà Nội)	Người/lượt	1	650.000	650.000
8	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Ngày	2	200.000	400.000
9	Phòng nghỉ cho giảng viên	Đêm	1	700.000	700.000
10	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng lương	Người	60	150.000	9.000.000
11	Hỗ trợ tiền đi lại cho đại biểu không hưởng lương	Người	60	50.000	3.000.000
	Cộng				227.300.000
	Thuế VAT 10%				22.700.000
	Tổng cộng				250.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC III
XÂY DỰNG LOGO, BỘ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU OCOP HÀ TĨNH
(Kèm theo Quyết định số: 2279 /QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Khảo sát nghiên cứu tổng quan xây dựng ý tưởng Logo, Bộ nhận diện thương hiệu OCOP				10.650.000
1	Khảo sát, lên ý tưởng xây dựng Logo, Bộ nhận diện thương hiệu OCOP	Công	15	140.400	2.100.000
2	Phòng nghỉ cho 3 cán bộ khảo sát 5 ngày (12 đêm)	Đêm	12	300.000	3.600.000
3	Lưu trú cho 3 cán bộ khảo sát 5 ngày	Ngày	15	150.000	2.250.000
4	Khoán đi lại thực địa tại 12 huyện, thị xã	Ngày	15	180.000	2.700.000
II	Thiết kế Logo, Bộ nhận diện thương hiệu OCOP				82.484.000
1	Thiết kế logo				16.150.000
1.1	Thiết kế logo (5 mẫu chọn 1 mẫu)	Công	20	576.900	11.535.000
1.2	Công chỉnh sửa và hoàn thiện	Công	8	576.900	4.615.000
2	Thiết kế bộ nhận diện văn phòng				27.689.000
2.1	Thiết kế danh thiếp	Công	35	576.900	20.190.000
	Thiết kế phong bì A4				
	Thiết kế phong bì 12 x 22				
	Thiết kế tiêu đề thư				
	Thiết kế kẹp file				
	Thiết kế thẻ tên, phòng ban				
	Thiết kế vỏ đựng đĩa CD				
	Thiết kế tem dán đĩa CD				
	Thiết kế giấy chứng nhận sản phẩm OCOP				
Thiết kế đồng phục					
2.2	Chỉnh sửa và hoàn thiện	Công	13	576.900	7.499.000
3	Thiết kế bảng hiệu truyền thông				16.150.000
	Thiết kế biển quảng cáo cỡ lớn				
	Thiết kế Poster				

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3.1	Thiết kế tờ rơi	Công	20	576.900	11.535.000
	Thiết kế biển hiệu				
	Thiết kế biển quảng cáo cỡ nhỏ				
3.2	Chỉnh sửa và hoàn thiện	Công	8	576.900	4.615.000
4	Thiết kế hệ thống xúc tiến thương mại				22.495.000
4.1	Thiết kế mũ lưỡi trai	Công	28	576.900	16.150.000
	Thiết kế áo mưa				
	Thiết kế ô				
	Thiết kế sổ, bút				
	Thiết kế cốc				
	Thiết kế phù hiệu chương trình.				
	Thiết kế túi HD				
4.2	Chỉnh sửa và hoàn thiện	Công	11	576.900	6.345.000
III	Tổ chức hội thảo thông qua mẫu nhãn hiệu, các quy chế, quy định thẩm định thiết kế, bộ nhận diện thương hiệu				25.800.000
1	Hội thảo lần 1 (Cấp Sở NN&PTNT)				7.900.000
1.1	Tiền thuê trường, ma kết, loa máy	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
1.2	Tiền nước uống	Người/ngày	38	40.000	2.000.000
1.3	Tiền in ấn tài liệu, VPP	Bộ	38	50.000	1.900.000
2	Hội thảo lần 2 (Cấp Sở NN&PTNT)				8.500.000
2.1	Tiền thuê trường, ma kết, loa máy	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
2.2	Tiền nước uống	Người/ngày	50	40.000	2.000.000
2.3	Tiền in ấn tài liệu, VPP	Bộ	50	50.000	2.500.000
3	Hội thảo lần 3 (Cấp tỉnh)				9.400.000
3.1	Tiền thuê trường, ma kết, loa máy	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
3.2	Tiền nước uống	Người/ngày	60	40.000	2.400.000
3.3	Tiền in ấn tài liệu, VPP	Bộ	60	50.000	3.000.000
IV	Đăng ký Sở hữu trí tuệ				11.345.000
1	Lập hồ sơ đăng ký bảo hộ	Công	3	576.900	1.730.000
2	Chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cục SHTT, theo đuổi tra cứu và tình trạng hồ sơ	Công	8	576.900	4.615.000



STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
3	Phí đăng ký SHTT logo	dịch vụ	1	5.000.000	5.000.000
V	Hội nghị công bố Bộ nhận diện thương hiệu OCOP				52.000.000
1	Tiền thuê trường, ma kết, loa máy	Ngày	1	4.000.000	4.000.000
2	Tiền nước uống	Người/ngày	200	40.000	8.000.000
3	Tiền in ấn tài liệu, VPP	Bộ	200	50.000	10.000.000
4	Xây dựng TVC giới thiệu logo OCOP Hà Tĩnh	TVC	1	30.000.000	30.000.000
VI	Nội dung in ấn				45.000.000
1	Kẹp file	Chiếc	1.000	15.000	15.000.000
2	Xây dựng biển hiệu chương trình OCOP (Biển điện tử)	m2	6	5.000.000	30.000.000
	Cộng				227.273.000
	Thuế VAT 10%				22.727.000
	Tổng cộng				250.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

[Handwritten signature]